VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

(Tiếp theo Công báo số 649 + 650)

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

MẪU SỐ 6A

HỒ SƠ MỜI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN QUA MẠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

PHẦN 3. YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1.1. "Chủ đầu tư" là tổ chức được quy định tại **E-ĐKCT**; 1.2. "Hợp đồng" là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo; 1.3. "Nhà thầu" là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **E-ĐKCT**; 1.4. "Nhà thầu phụ" là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn; 1.5. "Tài liệu hợp đồng" là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng; 1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ tư vấn. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có); 1.7. "Ngày" là ngày dương lịch; "năm" là 365 ngày; 1.8. "Dịch vụ tư vấn" là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng được miêu tả trong Điều khoản tham chiếu; 1.9. "Hoàn thành" là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng; 1.10. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại **E-ĐKCT**; 1.11. "Ngày hợp đồng có hiệu lực" là ngày được quy định tại E-**ĐKCT**; 1.12. "Chi phí khác" là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến DVTV; 1.13 "Thời gian thực hiện hợp đồng" được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký.

2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên	2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 E-ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau. 2.2. Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: a) Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; b) Biên bản đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng; c) Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; đ) E-ĐKCT; e) E-ĐKC; g) E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu; h) E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có); i) Các tài liệu khác quy định tại **E-ĐKCT.**
3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng	3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam. 3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư, trừ khi có quy định khác tại **E-ĐKCT**. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư. 4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi

	hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó. 4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. 4.4. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 E-ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây: a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. 4.5. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn. 4.6. Các quy định tại Mục 4 E-ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.
5. Bản quyền	5.1. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.

	5.2. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư.
6. Bảo hiểm	6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật. 6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.
7. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: được quy định tại **E-ĐKCT**.
8. Giá hợp đồng	Giá hợp đồng quy định tại **E-ĐKCT** là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của E-HSMT.
9. Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.
10. Thanh toán	Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại **E-ĐKCT**.
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ thực hiện theo quy định tại **E-ĐKCT**.
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại **E-ĐKCT.**
13. Sửa đổi hợp đồng	13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn nêu tại **E-ĐKCT** kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.

	13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây: a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng; c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho Chủ đầu tư; d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu; đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của Chủ đầu tư, nhà thầu; e) Các trường hợp khác theo quy định của **E-ĐKCT** Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì Chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép. 13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.
14. Nhân sự	14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ

	trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự theo quy định tại Mục 27 E-CDNT thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó. 14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại **E-ĐKCT**, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu.
15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu	15.1. Quyền của nhà thầu: a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. 15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu: a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình; b) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện;

	c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức (nếu có); d) Phải cam kết khi có yêu cầu của Chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn; đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định... với số lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư; e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng.
16. Nhà thầu phụ	16.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại **E-ĐKCT** để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát (nếu có) chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;

	16.2. Giá trị công việc mà các nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 E-ĐKC thực hiện không được vượt quá tỷ lệ phần trăm theo giá hợp đồng nêu tại **E-ĐKCT**. 16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ 16.4. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại **E-ĐKCT**.
17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại	Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại **E-ĐKCT.**
18. Tạm dừng hợp đồng	Chủ đầu tư có thể tạm dừng các khoản thanh toán cho Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu tư vấn nhận được thông báo tạm dừng.
19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu	19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định tại **E-ĐKCT.** 19.2. Chủ đầu tư có thể gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho nhà thầu khi phát hiện nhà thầu lâm vào tình trạng phá sản mà không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật. 19.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.

20. Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư	Nhà thầu có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư không thực hiện nội dung công việc như quy định tại **E-ĐKCT**.
21. Trường hợp bất khả kháng	21.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế. 21.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước. 21.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

	21.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra. 21.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ: (a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được Chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc (b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 22 Chương này.
22. Giải quyết tranh chấp	22.1. Nhà thầu và Chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 22.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại **E-ĐKCT** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được xác định trong **E-ĐKCT**.
23. Thông báo	23.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ được ghi trong **E-ĐKCT**. 23.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tuỳ theo ngày nào đến muộn hơn.

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư:_____ *[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Chủ đầu tư và đại diện ủy quyền (nếu có)]*.
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu:_____ *[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]*
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án:_____ *[Ghi địa điểm dự án]*
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực:_____ *[Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cụ thể, ví dụ: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng...]*
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác:_____ *[Ghi các tài liệu khác, nếu có]*
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng:_____ *[Ghi các quy định khác (nếu có)]*
E-ĐKC 7	Loại hợp đồng:_____ *[Ghi loại hợp đồng theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt. Trường hợp áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp thì nêu rõ phần công việc nào áp dụng hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo đơn giá]*.
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. (1) Đối với loại hợp đồng trọn gói: giá hợp đồng là cố định đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu. (2) Đối với loại hợp đồng theo thời gian: i. Giá hợp đồng bao gồm thù lao và chi phí khác cho chuyên gia được quy định tại Bảng giá Hợp đồng.

	ii. Giá trần là_____ *[ghi giá trị bằng đồng Việt Nam]*. Các khoản thanh toán cho Hợp đồng này không được vượt quá mức trần. Đối với các khoản thanh toán vượt quá mức trần, các bên phải ký phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng, trong đó nêu rõ các nội dung dẫn đến việc thanh toán vượt mức trần. iii. Thù lao và chi phí khác cho chuyên gia - Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho Nhà thầu (i) thù lao được xác định trên cơ sở thời gian thực tế mỗi chuyên gia của nhà thầu thực hiện Dịch vụ sau ngày bắt đầu thực hiện Dịch vụ hoặc một thời điểm khác theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên; và (ii) chi phí khác mà Nhà thầu phải chi trên thực tế một cách hợp lý để thực hiện dịch vụ. - Các khoản thanh toán phải được thực hiện trên cơ sở mức thù lao và chi phí khác được quy định tại Bảng giá Hợp đồng. - Điều chỉnh giá đối với chi phí thù lao (thù lao cho chuyên gia theo tháng hoặc theo ngày nêu tại Bảng giá hợp đồng): _____ *[điền "*áp dụng*" hoặc "*không áp dụng*".]* *[Nếu Hợp đồng có thời hạn dưới 18 tháng, không áp dụng trượt giá đối với thù lao chuyên gia. Trường hợp không áp dụng trượt giá đối với mức thù lao, mức thù lao sẽ cố định trong suốt thời gian thực hiện gói thầu.* *Nếu Hợp đồng kéo dài trên 18 tháng, có thể quy định nội dung trượt giá đối với chi phí thù lao chuyên gia căn cứ mức lạm phát trong nước. Việc xác định trượt giá đối với chi phí thù lao cần căn cứ chỉ số giá tiền lương trong thời gian tính trượt giá. Trường hợp áp dụng trượt giá đối với lương chuyên gia, cần nêu rõ cách thức trượt giá]*. (3) Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.

	(4) Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Giá hợp đồng được trượt giá và thực hiện như sau: - Trượt giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực; - Trượt giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 13 **E-ĐKC**. Không tính trượt giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng hợp đồng; - Giá hợp đồng sẽ được tính trượt giá trong thời gian thực hiện gói thầu nhằm phản ánh những thay đổi về chi phí nhân công và vật tư. Việc trượt giá hợp đồng sẽ được thực hiện theo công thức cụ thể_____ *[nêu rõ công thức tính trượt giá]*.
E-ĐKC 10	- Phương thức thanh toán:_____ *[Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này.* *Việc thanh toán cho nhà thầu có thể quy định bằng tiền mặt, chuyển khoản.* *Trường hợp có quy định về tạm ứng cho nhà thầu thì cần nêu rõ giá trị, thời hạn tạm ứng và cách thức hoàn trả tiền tạm ứng phù hợp với quy định của pháp luật.]* - Đồng tiền thanh toán: VND. - Thời hạn thanh toán:_____ *[Thời hạn thanh toán có thể quy định thanh toán ngay hoặc trong một thời hạn nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ phục vụ cho việc thanh toán]*.
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ:_____ *(ghi áp dụng hoặc không áp dụng).*

	Trường hợp áp dụng, ghi rõ các yêu cầu về bảo hành sản phẩm của dịch vụ, thời gian bảo hành, yêu cầu về khắc phục sự cố… *Ví dụ điều khoản về bảo hành sản phẩm của dịch vụ:* *- Thời hạn bảo hành là:_____ ngày [ghi số ngày].* *- Địa điểm để áp dụng bảo hành là:____ [ghi tên một hoặc một số địa điểm].* *- Trường hợp phát hiện lỗi, khiếm khuyết của sản phẩm dịch vụ, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các lỗi, khiếm khuyết đó.* *- Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc sản phẩm dịch vụ có lỗi, khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa, khắc phục trong thời hạn____ ngày và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, khắc phục.* *- Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa, khắc phục trong thời hạn quy định tại hợp đồng, việc phạt, bồi thường hợp đồng thực hiện theo quy định tại Mục 17.*
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng:_____ *[Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên]*
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu:_____ *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi hợp đồng căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh]*
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác:_____ [*ghi các trường hợp khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật*]
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự:_____ *[Ghi cụ thể thời gian là bao nhiêu ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư].*

E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ:_____ *[Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT]*.
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá:_____ giá hợp đồng *[Hệ thống trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT]*.
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ:_____ *[Ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)]*.
E-ĐKC 17	*Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:* *- Chỉ áp dụng phạt vi phạm hợp đồng.* *- Chỉ áp dụng bồi thường thiệt hại.* *- Vừa áp dụng phạt vi phạm hợp đồng vừa áp dụng bồi thường thiệt hại.* 1. Phạt vi phạm hợp đồng:___ *[ghi "*Áp dụng*" hoặc "*Không áp dụng*]*. *Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau:* a) Nhà thầu bị phạt theo mức:_____ *[Ghi cụ thể mức phạt theo ngày]* cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng. Tổng số tiền phạt không vượt quá:_____ *[Ghi cụ thể số tiền tối đa]*. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. b) Trường hợp Chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 E-ĐKC thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu. 2. Bồi thường thiệt hại:___ *[ghi "*Áp dụng*" hoặc "*Không áp dụng*"]*. *Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:*

	- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế; *- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở một mức xác định. Trong trường hợp này nêu rõ mức bồi thường, phương thức bồi thường… phù hợp với pháp luật dân sự.*
E-ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu:_____ *[Ghi cụ thể những nội dung mà khi nhà thầu vi phạm thì Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng. Ví dụ: nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt nêu trong E-HSDT hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương]*
E-ĐKC 20	Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư:_____ *[Ghi cụ thể những nội dung mà khi Chủ đầu tư vi phạm thì nhà thầu có quyền yêu cầu chấm dứt hợp đồng]*
E-ĐKC 22.2	Giải quyết tranh chấp:_____ *[Ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, cơ quan xử lý tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp... Khuyến khích đưa tranh chấp ra giải quyết tại cơ quan trọng tài]*.
E-ĐKC 23.1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: - Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư:_____ Điện thoại:_____ Fax:_____ E-mail:_____ - Địa chỉ liên lạc của nhà thầu:_____ Điện thoại:_____ Fax:_____ E-mail:_____

CHƯƠNG VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu mà áp dụng loại hợp đồng DVTV cho phù hợp.

Trường hợp hợp đồng có một hoặc nhiều hợp đồng bộ phận, Chủ đầu tư vận dụng biểu mẫu hợp đồng DVTV loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo thời gian để xây dựng hợp đồng DVTV.

Khi sử dụng cần chú ý không được thay đổi E-ĐKC, các điều khoản trong ***E-ĐKCT*** *cần được thực hiện như mô tả trong ghi chú bằng chữ in nghiêng cho từng điều khoản.*

Mẫu số 16

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

(Áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)

____, ngày____ tháng____năm____

Hợp đồng số:_____

Gói thầu:_____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án/dự toán mua sắm:_____ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]*

- Căn cứ[1]_____ *[Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội];*

- Căn cứ[1]_____ *[Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội];*

- Căn cứ Quyết định số_____ ngày_____ tháng____ năm_____ của____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số_____ ngày____ tháng____ năm_____ của Chủ đầu tư;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày_____ tháng____ năm_____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư_____ *[Ghi tên Chủ đầu tư]*

Đại diện là ông/bà:_____

Chức vụ:_____

Địa chỉ:_____

Điện thoại:_____

Fax:_____

E-mail:_____

Tài khoản:_____

[1] *Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.*

Mã số thuế:_____

Giấy ủy quyền số ___ ngày __ tháng __ năm __ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Nhà thầu

Tên nhà thầu_____ *[Ghi tên nhà thầu được lựa chọn]*

Đại diện là ông/bà:_____

Chức vụ:_____

Địa chỉ:_____

Điện thoại:_____

Fax:_____

E-mail:_____

Tài khoản:_____

Mã số thuế:_____

Giấy ủy quyền số___ ngày__ tháng__ năm__ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong Phụ lục A "Điều khoản tham chiếu".

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản hợp đồng;

2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;

3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;

6. E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn;

7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung E-HSMT;

8. Các tài liệu có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;

2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B "Nhân sự của nhà thầu" để thực hiện dịch vụ;

3. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C "Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu";

4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong **E-ĐKC** và **E-ĐKCT** của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại **E-ĐKC** và **E-ĐKCT** của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà_____ *[Ghi rõ họ tên]* là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:_____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

2. Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.*

_____ *[*Ghi *giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.*

*Tổng số tiền thanh toán*_____ *[Ghi giá trị và đồng tiền]*

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Phương thức thanh toán:

Phương thức thanh toán nêu tại Mục 10 **E-ĐKCT.**

Điều 6. Loại hợp đồng

Hợp đồng này được thực hiện theo loại hợp đồng trọn gói.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

[Nêu thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: ____ *[trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT]* giá hợp đồng.

Điều 9. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ_____ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1.11* ***E-ĐKCT****]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành____ bộ, Chủ đầu tư giữ____ bộ, nhà thầu giữ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu	**Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu

Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

Mẫu số 17

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN
(Áp dụng đối với loại hợp đồng theo thời gian)

____, ngày ____ tháng____ năm ____

Hợp đồng số:_____

Gói thầu:_____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án/dự toán mua sắm:_____ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]*

- Căn cứ[1]_____ *[Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội];*

- Căn cứ[1]_____ *[Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội];*

- Căn cứ Quyết định số_____ ngày_____ tháng____ năm_____ của____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số____ ngày____ tháng_____ năm_____ của Chủ đầu tư;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày_____ tháng____ năm_____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư_____ *[Ghi tên Chủ đầu tư]*

Đại diện là ông/bà:_____

Chức vụ:_____

Địa chỉ:_____

Điện thoại:_____

Fax:_____

E-mail:_____

Tài khoản:_____

Mã số thuế:_____

Giấy ủy quyền số_____ ngày__ tháng__ năm__ *(trường hợp được ủy quyền)*.

[1] *Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.*

Nhà thầu

Tên nhà thầu_____ *[Ghi tên nhà thầu được lựa chọn]*

Đại diện là ông/bà:_____

Chức vụ:_____

Địa chỉ:_____

Điện thoại:_____

Fax:_____

E-mail:_____

Tài khoản:_____

Mã số thuế:_____

Giấy ủy quyền số___ ngày__ tháng__ năm__ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong Phụ lục A "Điều khoản tham chiếu".

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản hợp đồng;

2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, dự toán kinh phí, danh sách nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;

3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;

6. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung E-HSMT;

7. Các tài liệu có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;

2. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục B "Dự toán kinh phí, danh sách nhân sự của nhà thầu" để thực hiện dịch vụ;

3. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự, dự toán kinh phí được liệt kê tại Phụ lục C "Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu";

4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong **E-ĐKC** và **E-ĐKCT** của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại **E-ĐKC** và **E-ĐKCT** của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà_____ *[Ghi rõ họ tên]* là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:_____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải trả, chi tiết như sau:

- Thù lao cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu thù lao tính theo tháng người hoặc theo tuần, theo ngày, theo giờ *(lựa chọn một trong ba nội dung và xóa nội dung còn lại)* như đã thống nhất tại Phụ lục B.

- Chi phí khác cho chuyên gia:

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu các chi phí khác với mức trần là *[Ghi giá trị và đồng tiền thanh toán]* cho các khoản chi thực tế hoặc khoán gọn[1] dưới đây:

+ Chi phí công tác (bao gồm chi phí đi lại, phụ cấp công tác và lưu trú), tiền văn phòng phẩm và phôtô, in ấn tài liệu, chi phí liên lạc. Chi phí này sẽ được hoàn trả và cần được Chủ đầu tư xác nhận;

+ Chi phí khác đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

[1] Ghi rõ loại chi phí nào thanh toán theo thực tế phát sinh hoặc chi phí nào khoán gọn.

2. Thời hạn và phương thức thanh toán

Thanh toán theo thời hạn và phương thức thanh toán nêu tại Mục 10 **E-ĐKCT**.

Điều 6. Bảng chấm công

Trong quá trình làm việc, kể cả đi công tác, Chủ đầu tư điền vào bảng chấm công hoặc giấy tờ hợp lệ khác để xác định thời gian làm việc của nhà thầu.

Điều 7. Loại hợp đồng:

Hợp đồng này áp dụng loại hợp đồng theo thời gian.

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng

[Nêu thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 9. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: ____ *[trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT]* giá hợp đồng.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ_____ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1.11* ***E-ĐKCT****]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành____ bộ, Chủ đầu tư giữ____ bộ, nhà thầu giữ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu	**Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Phụ lục B: Dự toán kinh phí, danh sách nhân sự của nhà thầu

Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu

Phụ lục D: Bảng giá Hợp đồng (bao gồm cả thù lao chuyên gia và chi phí khác cho chuyên gia)

Mẫu số 18

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

(Áp dụng đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh)

____, ngày ____ tháng ____năm ____

Hợp đồng số:_____

Gói thầu:_____ *[Ghi tên gói thầu]*

Thuộc dự án/dự toán mua sắm:_____ *[Ghi tên dự án/dự toán mua sắm]*

- Căn cứ[1] *[Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội];*

- Căn cứ[1]_____ *[Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội];*

- Căn cứ Quyết định số_____ ngày_____ tháng____ năm_____ của____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu_____ *[Ghi tên gói thầu]* và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số____ ngày____ tháng_____ năm_____ của Chủ đầu tư;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày_____ tháng____ năm_____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư

Tên Chủ đầu tư_____ *[Ghi tên Chủ đầu tư]*

Đại diện là ông/bà:_____

Chức vụ:_____

Địa chỉ:_____

Điện thoại:_____

Fax:_____

E-mail:_____

Tài khoản:_____

Mã số thuế:_____

Giấy ủy quyền số_____ ngày___ tháng___ năm___ *(trường hợp được ủy quyền)*.

---

[1] *Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.*

Nhà thầu

Tên nhà thầu_____ *[Ghi tên nhà thầu được lựa chọn]*

Đại diện là ông/bà:_____

Chức vụ:_____

Địa chỉ:_____

Điện thoại:_____

Fax:_____

E-mail: _____

Tài khoản:_____

Mã số thuế:_____

Giấy ủy quyền số_____ ngày__ tháng__ năm__ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết trong Phụ lục A "Điều khoản tham chiếu".

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau đây:

1. Văn bản hợp đồng;

2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;

3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

5. Văn bản thỏa thuận của các bên về điều kiện của hợp đồng, bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể;

6. E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn;

7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung E-HSMT;

8. Các tài liệu có liên quan.

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

1. Thực hiện các nghĩa vụ được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;

2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục B "Nhân sự của nhà thầu" để thực hiện dịch vụ;

3. Nộp báo cáo cho Chủ đầu tư trong thời hạn và theo các hình thức được nêu trong Phụ lục C "Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu";

4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong **E-ĐKC** và **E-ĐKCT** của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại **E-ĐKC** và **E-ĐKCT** của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định ông/bà____ *[Ghi rõ họ tên]* là cán bộ phụ trách của Chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi hợp đồng này.

Điều 5. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng:_____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng]*. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

2. Thời hạn thanh toán:

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi hợp đồng có hiệu lực (trường hợp có tạm ứng).*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận dự thảo báo cáo do nhà thầu lập.*

_____ *[Ghi giá trị/phần trăm và đồng tiền] khi Chủ đầu tư nhận được và chấp thuận báo cáo cuối cùng.*

Tổng số tiền thanh toán_____ [Ghi giá trị và đồng tiền]

[Thời hạn thanh toán có thể thay đổi để phù hợp với các báo cáo đầu ra được nêu chi tiết tại Phụ lục C].

3. Phương thức thanh toán:

Phương thức thanh toán nêu tại Mục 10 **E-ĐKCT**

Điều 6. Loại hợp đồng

[ghi loại hợp đồng theo quy định tại Mục 7 E-ĐKC]

Điều 7. Trượt giá hợp đồng và điều chỉnh hợp đồng

1. Trượt giá hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Mục 8 E-ĐKC.

2. Điều chỉnh hợp đồng được thực hiện theo quy định tại Mục 13 E-ĐKC.

Điều 8. Thời gian thực hiện hợp đồng

[Nêu thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với E-HSMT, E-HSDT và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 9. Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá:____ *[trích xuất theo Mục 26.3 E-CDNT]* giá hợp đồng.

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ_____ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1.11* ***E-ĐKCT****]*.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành____ bộ, Chủ đầu tư giữ____ bộ, nhà thầu giữ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu	**Đại diện hợp pháp của Chủ đầu tư**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]	*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

PHỤ LỤC

Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu

Phụ lục B: Nhân sự của nhà thầu

Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của nhà thầu.

Phụ lục D: Bảng giá Hợp đồng

Mẫu số 19

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày____ tháng____ năm____

Kính gửi:_____ *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu]* (sau đây gọi tắt là "Nhà thầu")

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số_____ ngày___ tháng___ năm___ của_____ *[ghi tên chủ đầu tư]* (sau đây gọi tắt là "Chủ đầu tư") về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu_____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu],* Bên mời thầu_____ *[ghi tên Bên mời thầu]* (sau đây gọi tắt là "Bên mời thầu) thông báo: Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu.]* với giá hợp đồng là_____ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện gói thầu là_____ *[ghi thời gian thực hiện gói thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng:___ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm____ *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;

- Thời gian ký kết hợp đồng:___ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm____ *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng, trong đó phải cam kết năng lực hiện tại của nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày___ tháng___ năm___ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 20

GIẤY ỦY QUYỀN [(1)]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ *[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu],* là người đại diện theo pháp luật của____ *[ghi tên nhà thầu]* có địa chỉ tại____ *[ghi địa chỉ của nhà thầu]* bằng văn bản này ủy quyền cho____ *[ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm_____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* do____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức:

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn][(2)].

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ *[ghi tên nhà thầu]*. ____ *[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do_____ *[ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày____ đến ngày____[(3)]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ____ bản, người được ủy quyền giữ____ bản, Bên mời thầu giữ_____bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu khi thương thảo hợp đồng, ký hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo

pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có), ký hợp đồng. Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.

MẪU SỐ 6B

HỒ SƠ MỜI QUAN TÂM
DỊCH VỤ TƯ VẤN QUA MẠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT
ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

HỒ SƠ MỜI QUAN TÂM

Số hiệu gói thầu và số E-TBMQT *(trên Hệ thống)*: _____

Tên gói thầu *(theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống)*: _____

Dự án/dự toán mua sắm *(theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống)*: _____

Phát hành ngày *(theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống)*: _____

Ban hành kèm theo Quyết định *(theo nội dung E-TBMQT trên Hệ thống)*: _____

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Phần 1. Thủ tục đấu thầu

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSQT

Chương IV. Biểu mẫu quan tâm

Phần 2. Điều khoản tham chiếu

Chương V. Tóm tắt điều khoản tham chiếu

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSQT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSQT, mở thầu, đánh giá E-HSQT. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn mời quan tâm qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này được số hóa dưới dạng các biểu mẫu trên Hệ thống (webform). Chủ đầu tư nhập các nội dung thông tin vào E-BDL trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSQT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSQT.

Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSQT được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;

- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá E-HSQT được số hóa dưới dạng webform. Chủ đầu tư cần nhập thông tin vào các webform tương ứng;

Căn cứ vào các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu quan tâm

Chương này bao gồm các biểu mẫu quan tâm mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSQT.

Trong chương này một số mẫu được số hóa dưới dạng webform và một số Mẫu là tệp tin PDF/Word. Nhà thầu cần nhập các thông tin vào các mẫu để hoàn thiện E-HSQT của mình.

Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V. Tóm tắt Điều khoản tham chiếu

Tóm tắt Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 1
THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I
CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	1.1. Chủ đầu tư quy định tại **E-BDL** phát hành bộ E-HSMQT này để lựa chọn nhà thầu vào danh sách ngắn. 1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại **E-BDL**.
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSQT và được quy định trong E-TBMQT trên Hệ thống. 2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động. 2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).
3. Nguồn vốn	Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu được quy định tại **E-BDL**.
4. Hành vi bị cấm	4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ. 4.2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây ảnh hưởng, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dưới mọi hình thức. 4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây: a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị E-HSQT hoặc rút E-HSQT để một bên trúng thầu; b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu; c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của E-HSMQT nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi

	được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ E-HSQT hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu. 4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây: a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu; b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong E-HSQT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu. 4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây: a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán; b) Cản trở người có thẩm quyền, Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu; c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu; d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu; đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng. 4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây: a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư không đúng quy định của Luật Đấu thầu; b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định E-HSMQT đối với cùng một gói thầu; c) Tham gia đánh giá E-HSQT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

	d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người có thẩm quyền, người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu tham dự thầu; đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó; e) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát; g) Nêu điều kiện trong E-HSMQT nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật Đấu thầu. 4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật Đấu thầu, bao gồm: a) Nội dung E-HSMQT trước thời điểm phát hành theo quy định; b) Nội dung E-HSQT; nội dung yêu cầu làm rõ E-HSQT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSQT; báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSQT trước khi được công khai theo quy định;

	c) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định; d) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được xác định chứa nội dung bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật. 4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây: a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu ngoài giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ và khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt đã nêu trong hợp đồng; b) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSQT mà không được Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận; c) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm a khoản này; d) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc quy định tại điểm b khoản này mà vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng.
5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu	5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Hạch toán tài chính độc lập; b) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; c) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại **E-BDL;** d) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu;

	đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; e) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống; 5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại các điểm c, d và e Mục 5.1 E-CDNT.
6. Nội dung của E-HSMQT	6.1. E-HSMQT bao gồm: E-TBMQT và Phần 1, Phần 2 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMQT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây: **Phần 1. Thủ tục đấu thầu:** - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSQT; - Chương IV. Biểu mẫu quan tâm. **Phần 2. Điều khoản tham chiếu** - Chương V. Tóm tắt Điều khoản tham chiếu 6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMQT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMQT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMQT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMQT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.

	6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMQT, E-HSMQT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMQT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSQT theo yêu cầu của E-HSMQT cho phù hợp.
7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMQT	7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMQT thì Bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMQT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi E-HSMQT phải được thực hiện trong thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSQT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu. 7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMQT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMQT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMQT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT 7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMQT theo đề nghị của nhà thầu. 7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMQT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSQT.

	Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMQT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.
8. Chi phí dự thầu	E-HSMQT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMQT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự quan tâm. E-HSQT được nộp miễn phí trên Hệ thống. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự quan tâm của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSQT	E-HSQT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSQT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSQT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSQT	E-HSQT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm những nội dung sau: 1. Thư quan tâm do Hệ thống tự trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; 2. Thỏa thuận liên danh được Hệ thống trích xuất theo Mẫu số 02 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); 3. Các Biểu mẫu khác theo quy định tại Chương IV.
11. Thư quan tâm và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong thư quan tâm và các bảng biểu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSQT.

12. Thời hạn có hiệu lực của E-HSQT	12.1. E-HSQT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại **E-BDL**. 12.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSQT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSQT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSQT thì E-HSQT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSQT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSQT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.
13. Thời điểm đóng thầu	13.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMQT. 13.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMQT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.
14. Nộp, rút và sửa đổi E-HSQT	14.1. Nộp E-HSQT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSQT đối với một E-TBMQT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSQT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.. 14.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSQT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSQT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSQT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSQT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSQT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSQT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMQT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSQT mới cho phù hợp với E-HSMQT đã được sửa đổi.

	14.3. Rút E-HSQT: nhà thầu được rút E-HSQT trước thời điểm đóng thầu. Khi rút E-HSQT, Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSQT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSQT của nhà thầu. 14.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSQT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSQT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.
15. Mở E-HSQT	15.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở E-HSQT và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp có 01 hoặc 02 nhà thầu nộp E-HSQT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSQT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMQT này và đăng E-TBMQT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP). 15.2. Biên bản mở E-HSQT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMQT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở E-HSQT; - Tổng số nhà thầu tham dự.

	b) Thông tin về các nhà thầu tham dự: - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSQT; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
16. Làm rõ E-HSQT	16.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSQT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự cụ thể đã được đề xuất trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu. Đối với nội dung về tư cách hợp lệ, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSQT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSQT đã nộp. 16.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSQT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống. 16.3. Việc làm rõ E-HSQT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSQT cần phải làm rõ. Nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSQT của nhà thầu theo E-HSQT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSQT. 16.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSQT trên Hệ thống sau thời điểm đóng thầu. 16.5. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Bên mời thầu, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.

17. Đánh giá E-HSQT	17.1. Việc đánh giá tính hợp lệ của E-HSQT thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III; - Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu đối với các nội dung: + Tư cách hợp lệ của nhà thầu; + Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Đối với nội dung về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của nhà thầu được Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSQT và nhà thầu không phải đính kèm các tài liệu để chứng minh khi nộp E-HSQT. - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá bước tiếp theo. 17.2. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSQT thực hiện theo Mục 2 Chương III. E-HSQT của nhà thầu có số điểm được đánh giá không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đưa vào danh sách ngắn; - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm để đánh giá. Trường hợp các thông tin kê

	khai trong tài liệu đính kèm E-HSQT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMQT, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMQT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên webform và trong tài liệu đính kèm. 17.3. Nguyên tắc đánh giá E-HSQT: Đối với các nội dung Hệ thống đánh giá tự động bao gồm tư cách hợp lệ, nhà thầu không có nhân sự bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hoặc có kê khai nhưng không đúng, không đầy đủ, không đáp ứng theo yêu cầu của E-HSMQT thì Hệ thống sẽ đánh giá nhà thầu "không đạt" ở nội dung này. Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt" khi Hệ thống đã đánh giá "không đạt". Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSQT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSQT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận; 17.4. Sau khi đánh giá E-HSQT, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. E-HSQT của nhà thầu có số điểm cao nhất được xếp thứ nhất. 17.5. Trường hợp có nhiều hơn 06 nhà thầu đạt yêu cầu thì lựa chọn 06 nhà thầu xếp hạng cao nhất vào danh sách ngắn.
18. Đối chiếu tài liệu	18.1. Nhà thầu có tên trong danh sách ngắn phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSQT.

	18.2. Đối với thông tin về thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, Bên mời thầu chỉ đối chiếu nếu nhà thầu cập nhật thông tin mà không đối chiếu trong trường hợp các thông tin trên do Hệ thống tự động trích xuất từ Hệ thống thuế điện tử. Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau: - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế. 18.3. Đối với các nội dung về tính hợp lệ, thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế đã được Hệ thống đánh giá tự động là "đạt" theo thông tin kê khai, trích xuất trong E-HSDT mà tổ chuyên gia đánh giá lại là "không đạt" thì tổ chuyên gia chỉnh sửa lại kết quả đánh giá từ "đạt" thành "không đạt". Trong trường hợp này, Bên mời thầu

	mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu mà không phải xếp hạng lại nhà thầu. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực (bao gồm cả số liệu về thuế do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử) dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.4 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được lựa chọn vào danh sách ngắn.
19. Điều kiện được lựa chọn vào danh sách ngắn	Nhà thầu được xem xét, lựa chọn vào danh sách ngắn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: 1. Có E-HSQT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III; 2. Có E-HSQT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III; 3. Xếp hạng từ thứ nhất tới thứ sáu theo số điểm đánh giá (đối với trường hợp có hơn 06 nhà thầu đạt yêu cầu).
20. Hủy thầu	20.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm: a) Tất cả E-HSQT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMQT; b) Thay đổi về mục tiêu, phạm vi đầu tư trong quyết định đầu tư đã được phê duyệt làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chuẩn đánh giá đã ghi trong E-HSMQT; c) E-HSMQT không tuân thủ quy định của Luật Đấu thầu, quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu; đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

	20.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 20.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
21. Thông báo kết quả mời quan tâm	21.1. Sau khi có quyết định phê duyệt danh ngắn, Chủ đầu tư đăng tải thông tin về kết quả mời quan tâm (danh sách ngắn) trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả mời quan tâm lên Hệ thống. Trong thông báo phải nêu tóm tắt lý do nhà thầu không đáp ứng. Nội dung thông báo kết quả mời quan tâm như sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMQT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; b) Thông tin về nhà thầu vào danh sách ngắn: - Mã số thuế; - Tên nhà thầu. c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu. 21.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 20.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả mời quan tâm và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.
22. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	22.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền,

	Chủ đầu tư, Bên mời thầu xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 89, 90 và 91 của Luật Đấu thầu. 22.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại **E-BDL**.
23. Giám sát quá trình mời quan tâm	Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại **E-BDL**.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẤU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*.
E-CDNT 1.2	Tên gói thầu:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*. Tên dự án/dự toán mua sắm:_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*.
E-CDNT 3	Nguồn vốn:___ *[Theo E-TBMQT]*
E-CDNT 5.1 (c)	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau: - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ Chủ đầu tư, Bên mời thầu],* trừ trường hợp: (i) Nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. (ii) Nhà thầu là công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước mà sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu thuộc ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước và gói thầu này là của công ty con, công ty thành viên. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: + Tư vấn lập E-HSMQT:___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];* + Tư vấn thẩm định E-HSMQT:___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];* + Tư vấn đánh giá E-HSQT:___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];* + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu:___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];*

	+ Tư vấn quản lý dự án, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu:___ *[ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)];* + Tư vấn khác:___ *[tùy theo tính chất tư vấn của gói thầu này để quy định về bảo đảm cạnh tranh cho phù hợp quy định tại Điều 6 của Luật Đấu thầu. Ví dụ: gói thầu tư vấn này là tư vấn giám sát cho một gói thầu xây lắp thì cần quy định nhà thầu tham dự thầu phải độc lập với nhà thầu xây lắp]*. Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)[1]. Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, Bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó. - Đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu. Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. - Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau: $$\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^{n} X_i \times Y_i$$

[1] Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	Trong đó: Xi: Là tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Yi: Là tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Là số thành viên tham gia trong liên danh.
E-CDNT 12.1	Thời gian có hiệu lực của E-HSQT: ≥___ ngày *[trích xuất từ E-TBMQT],* kể từ ngày có thời điểm đóng thầu
E-CDNT 22.2	- Người có thẩm quyền:_____ *[ghi đầy đủ tên người có thẩm quyền]* + Địa chỉ:_____ *[ghi đầy đủ địa chỉ, số điện thoại, số fax của người có thẩm quyền];* + E-mail:_____ *[ghi rõ Email của người có thẩm quyền để nhận đơn kiến nghị của nhà thầu].* - Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn: + Địa chỉ:_____ *[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của Bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn];* + E-mail:_____ *[ghi rõ Email của bộ phận thường trực giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng tư vấn để nhận đơn kiến nghị của nhà thầu].*
E-CDNT 23	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: ___ *[ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax của tổ chức, cá nhân được Người có thẩm quyền giao nhiệm vụ thực hiện giám sát quá trình mời quan tâm, lựa chọn nhà thầu của gói thầu/dự án (nếu có)].*

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSQT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSQT

E-HSQT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) *(Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 - 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này;

3. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu;

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT[1];

5. Có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Nhà thầu có E-HSQT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSQT

Việc đánh giá E-HSQT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết;

[1] Nhà thầu là đơn vị sự nghiệp ngoài công lập được thành lập theo quy định của pháp luật khi tham dự thầu phải đáp ứng các điều kiện nêu tại Mục 5 E-CDNT

quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của nội dung nhân sự chủ chốt; đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định về điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá E-HSQT bao gồm các nội dung sau đây (webform trên Hệ thống):

Stt	Tiêu chuẩn(1)	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	**Kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu** (Từ 30 đến 45% tổng số điểm)			
	a) Đã thực hiện gói thầu có tính chất tương tự trong... năm gần đây [1]			
	b) Các yếu tố khác[2]			
2	**Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu**[3] (5% tổng số điểm)			
3	**Nhân sự của nhà thầu** (2) (Từ 50 đến 70% tổng số điểm)			50% tổng số điểm
	Tổng cộng (100%)			

[1] Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành. Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng bất hợp pháp, vi phạm quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật Đấu thầu thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

[2] Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

[3] Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê.

Ghi chú:

(1) TCĐG được xây dựng theo thang điểm 100, trong đó mức điểm yêu cầu tối thiểu phải quy định không thấp hơn 60% tổng số điểm và điểm đánh giá của nội dung về nhân sự phải quy định không thấp hơn 50% điểm tối đa của nội dung đó.

(2) Tùy từng gói thầu để đưa ra yêu cầu về nhân sự chủ chốt cho phù hợp. Chẳng hạn, trường hợp khi lập E-HSMQT chưa có điều khoản tham chiếu, chưa đưa ra được yêu cầu cho một số nhân sự chủ chốt thì Mục này chỉ yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm của các chuyên gia tư vấn thuộc quản lý của nhà thầu (ký hợp đồng dài hạn hoặc không xác định thời hạn với nhà thầu) như: có 02 chuyên gia có kinh nghiệm làm việc 5 năm, có chứng chỉ hành nghề giám sát….

Trường hợp tại thời điểm lập E-HSMQT đã đưa ra được yêu cầu cho một số nhân sự chủ chốt thì Mục này đưa ra yêu cầu cho các nhân sự chủ chốt này (tư vấn trưởng, chủ nhiệm…). Trong trường hợp này, nhà thầu phải có các tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự.

Chương IV
BIỂU MẪU QUAN TÂM

Nhà thầu chuẩn bị tài liệu theo các mẫu sau:

STT	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Ghi chú
1	Mẫu số 01: Thư quan tâm	Webform	
2	Mẫu số 02: Thỏa thuận liên danh	Webform	Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh tham dự mời quan tâm
3	Mẫu số 03: Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu	Scan đính kèm lên Hệ thống	
4	Mẫu số 04: Danh sách chuyên gia chủ chốt của nhà thầu	Webform	
5	Mẫu số 05: Lý lịch chuyên gia tư vấn	Scan đính kèm lên Hệ thống	Chỉ áp dụng trong trường hợp tại Mục 2 Chương III đưa ra được các yêu cầu cho một số nhân sự chủ chốt

Mẫu số 01 (Webform trên Hệ thống)

THƯ QUAN TÂM(1)

Ngày:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Tên gói thầu:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Kính gửi:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Sau khi nghiên cứu E-HSMQT, chúng tôi:

Tên nhà thầu:___ *[Hệ thống tự động trích xuất],* Mã số thuế:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]* bày tỏ sự quan tâm tới gói thầu____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* số E-TBMQT:_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Hiệu lực của E-HSQT:____ *[Hệ thống tự trích xuất từ E-TBMQT]*

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu(2);

5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

6. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi bày tỏ quan tâm gói thầu này.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSQT là trung thực.

9. Nếu được lựa chọn vào danh sách ngắn, chúng tôi sẽ tham gia đấu thầu gói thầu_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Ghi chú:

(1) Thư quan tâm được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSQT.

(2) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

Mẫu số 02 (webform trên Hệ thống)

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Gói thầu:____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Thuộc dự án/dự toán mua sắm:____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ [(1)]_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ[(1)]_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Căn cứ E-HSMQT gói thầu:_____ *Hệ thống tự động trích xuất]* với số E-TBMQT:_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất:_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế:_____ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà:_____

Chức vụ: _____

Địa chỉ:_____

Điện thoại:_____

Tên thành viên liên danh thứ hai:____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà:_____

Chức vụ: _____

Địa chỉ:_____

Điện thoại:_____

...

Tên thành viên liên danh thứ n:_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Mã số thuế: ___ *[Hệ thống tự động trích xuất];*

Đại diện là ông/bà:_____

Chức vụ: _____

Địa chỉ:_____

Điện thoại:_____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án/dự toán mua sắm_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là:____ *[ghi tên của liên danh]*.

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công____ *[Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh]* làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau[(2)]:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSQT cho cả liên danh.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSQT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSQT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng_____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây(3):

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh *(Hệ thống tự động trích xuất)*	- ___ - ___
2	Tên thành viên thứ 2	- ___ - ___
....	....	....
	Tổng cộng	**Toàn bộ công việc của gói thầu**

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* thuộc dự án/dự toán mua sắm_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH
[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH
[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như nêu trên

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

Mẫu số 03 (Scan đính kèm)

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu dịch vụ tư vấn tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng *[Ghi số năm]*[1] năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi dịch vụ tư vấn tương tự như dịch vụ tư vấn được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự quan tâm là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSQT.

---

[1] *Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).*

Thời gian	Tên công việc [*mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính*]	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, Chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng (*trường hợp liên danh thì nêu giá trị dịch vụ tư vấn do nhà thầu thực hiện*)	Vai trò trong công việc *[ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh*]	Thời gian thực hiện gói thầu [*ghi rõ từ ngày… đến ngày…]*	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế *[từ ngày… đến ngày…]* Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

Mẫu số 04 (Webform trên Hệ thống)

DANH SÁCH CHUYÊN GIA CHỦ CHỐT CỦA NHÀ THẦU(1)

Stt	Họ và tên	Số định danh/CMTND/Căn cước công dân/Hộ chiếu	Lĩnh vực chuyên môn	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan tới gói thầu
1				
2				
…				

Ghi chú:

(1) Trường hợp tại Mục 2 Chương III nêu yêu cầu cụ thể về nhân sự chủ chốt của nhà thầu theo điều khoản tham chiếu thì mẫu này cần được bổ sung cho phù hợp như sau:

Stt	Họ và tên	Số định danh/CMTND/Căn cước công dân/Hộ chiếu	Quốc tịch	Chức danh bố trí trong gói thầu	Lĩnh vực chuyên môn	Số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực liên quan tới gói thầu
	I. Nhân sự chủ chốt của nhà thầu					
1						
2						
	II. Nhân sự chủ chốt do nhà thầu huy động					
1						
2						
	III. Nhân sự khác					
1						
2						

Mẫu số 05 (Scan đính kèm)

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN[1]

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	*[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]*
Tên chuyên gia tư vấn:	*[điền tên đầy đủ]*
Ngày sinh:	*[ngày/tháng/năm]*
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: {liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được}

_____

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ… đến…)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

_____

[1] *Chỉ áp dụng trong trường hợp tại thời điểm lập HSMQT đã đưa ra được yêu cầu cho một số nhân sự chủ chốt theo quy định tại Mục 2 Chương III, các nhân sự chủ chốt đó phải kê khai theo Mẫu này.*

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

_____

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày____ tháng_____năm _____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 04 phải kê khai Mẫu này.

- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSQT.

Phần thứ hai
ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương V
TÓM TẮT ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

Chương này gồm thông tin yêu cầu về nội dung dịch vụ tư vấn, kế hoạch thực hiện… của gói thầu tư vấn.

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm

[Nêu thông tin tóm tắt về dự án/dự toán mua sắm như tên dự án/dự toán mua sắm, chủ đầu tư, nguồn vốn, quyết định đầu tư, các hoạt động chính của dự án,...]

2. Mô tả sơ bộ về nội dung dịch vụ tư vấn

[Phần này nêu thông tin về quy mô, tính chất, độ phức tạp của dịch vụ tư vấn.]

3. Kế hoạch thực hiện

[Nêu thời gian dự kiến thực hiện và hoàn thành công việc.]

4. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu

[Nêu yêu cầu về nhân sự cần thiết cho gói thầu và cho từng vị trí .]

MẪU SỐ 6C

BIỂU MẪU
DÀNH CHO TƯ VẤN CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT
ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

MẪU DÀNH CHO TƯ VẤN CÁ NHÂN

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT *(trên Hệ thống)*: _____

Tên gói thầu *(theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống)*: _____

Dự án/dự toán mua sắm *(theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống)*: _____

Phát hành ngày *(theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống)*: _____

Ban hành kèm theo Quyết định *(theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống)*: _____

Mẫu số 01 (webform trên Hệ thống)

ĐƠN DỰ THẦU[(1)]

Ngày:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Tên gói thầu:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Kính gửi:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]*

Sau khi nghiên cứu điều khoản tham chiếu, chúng tôi:

- Tên nhà thầu:___ *[Hệ thống tự động trích xuất tên của tư vấn cá nhân và mã số thuế]* cam kết thực hiện gói thầu_____ *[Hệ thống tự động trích xuất]* số E-TBMT:___ *[Hệ thống tự động trích xuất]* theo đúng yêu cầu nêu trong điều kiện tham chiếu với giá dự thầu (tổng số tiền) là____ *[Hệ thống tự động trích xuất]*.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là____ *[ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ *[Hệ thống tự động tính]* (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Chúng tôi cam kết:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

2. Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định;

3. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu;

4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp hồ sơ lý lịch khoa học.

Mẫu số 02 (scan đính kèm)

VĂN BẢN THỎA THUẬN

(Đối với nhóm cá nhân)

Ngày:_____ tháng_____năm_____

Căn cứ điều khoản tham chiếu của gói thầu:_____ *[ghi tên gói thầu]* với số E-TBMT:_____ *[ghi số thông báo mời thầu của gói thầu]*

Chúng tôi gồm có:

Chuyên gia thứ nhất:

Họ và tên:_____

Số CCCD/Hộ chiếu:_____ Ngày cấp:_____ Nơi cấp:_____

Mã số thuế:_____

Địa chỉ:_____

Điện thoại:_____

Chuyên gia thứ hai:

Họ và tên:_____

Số CCCD/Hộ chiếu:_____ Ngày cấp:_____ Nơi cấp:_____

Mã số thuế:_____

Địa chỉ:_____

Điện thoại:_____

...

Chuyên gia thứ n:

Họ và tên:_____

Số CCCD/Hộ chiếu:_____ Ngày cấp:_____ Nơi cấp:_____

Mã số thuế:_____

Địa chỉ:_____

Điện thoại:_____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết văn bản thỏa thuận thành lập nhóm tư vấn cá nhân với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện thành lập nhóm tư vấn cá nhân để tham dự thầu gói thầu_____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc_____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* do_____ *[ghi tên Chủ đầu tư]* tổ chức.

2. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tham gia độc lập hoặc liên danh với cá nhân khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, các thành viên cùng ký hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của nhóm tư vấn từ chối hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong nhóm tư vấn;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

- Hình thức xử lý khác____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc_____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* như sau:

Phân công_____ *[ghi tên chuyên gia]* làm thành viên đứng đầu nhóm chuyên gia, đại diện cho nhóm chuyên gia trong những phần việc sau:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số cá nhân để nộp lý lịch khoa học cho cả nhóm.

[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ lý lịch khoa học hoặc văn bản đề nghị rút lý lịch khoa học;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhóm tư vấn có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

Điều 3. Hiệu lực của văn bản thỏa thuận

1. Văn bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Văn bản thỏa thuận chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhóm tư vấn cá nhân không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu____ *[ghi tên gói thầu]* thuộc____ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Văn bản thỏa thuận được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU NHÓM TƯ VẤN *[ký, ghi rõ họ tên]*

CÁC THÀNH VIÊN THUỘC NHÓM TƯ VẤN *[ký, ghi rõ họ tên]*

Mẫu số 03 (scan đính kèm)

ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU[(1)]

"Điều khoản tham chiếu" bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Mô tả khái quát về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu.

2. Giá gói thầu (theo phương pháp giá cố định).

3. Thời gian thực hiện gói thầu

II. Phạm vi công việc:

1. Yêu cầu về phạm vi, khối lượng, chất lượng gói thầu.

2. Các điều kiện và địa điểm thực hiện hợp đồng.

III. Nhân sự:

Yêu cầu về năng lực, trình độ của chuyên gia tư vấn.

IV. Báo cáo và thời gian thực hiện:

Các báo cáo phải nộp và tiến độ nộp báo cáo.

V. Các nội dung cần thiết khác (nếu có)

Ghi chú: (1) Chủ đầu tư, bên mời thầu căn cứ quy mô, tính chất dự án, gói thầu để xây dựng điều khoản tham chiếu theo mẫu số 03.

Mẫu số 04 (scan đính kèm)

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. Thông tin cá nhân

Họ và tên:	Ngày sinh:	Giới tính:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:		
Nơi ở hiện nay:		
Quốc tịch: Dân tộc: Số CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Cơ quan cấp: Mã số thuế:		
Điện thoại liên hệ:	Email:	

II. Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

_____

III. Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ... đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

IV. Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

_____

V. Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

_____

VI. Thông tin người có thể tham khảo thông tin:

Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Địa chỉ, số điện thoại liên lạc

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày____ tháng___ năm _____

Người khai

[Ký và ghi rõ họ tên]

Ghi chú: từng cá nhân chuyên gia tư vấn phải kê khai Mẫu này và scan hợp đồng lao động, bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn (nếu có) đính kèm hồ sơ lý lịch khoa học.

MẪU SỐ 7A

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU QUA MẠNG CHO GÓI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN, MUA SẮM HÀNG HÓA, XÂY LẮP

(theo quy trình số 01)
(phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT
ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

PHẦN I:
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Tên gói thầu: *[trích xuất từ Hệ thống]*
Dự án/dự toán mua sắm: *[trích xuất từ Hệ thống]*
Chủ đầu tư: *[trích xuất từ Hệ thống]*
Bên mời thầu: *[trích xuất từ Hệ thống]*

Mẫu số 01 (Webform trên Hệ thống)

ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu_____ *(Hệ thống tự động trích xuất tên của từng nhà thầu)*

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
1	Bảo đảm dự thầu[(1)]				
2	Thỏa thuận liên danh (đối với nhà thầu liên danh)[(2)]				
3	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật đấu thầu				
3.1	Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:				
3.1.1	Hạch toán tài chính độc lập[(3)]				
3.1.2	Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên				

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
	hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản[3]				
3.1.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu[3]				
3.1.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu[3]				
3.1.5	Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự[3]				
3.1.6	Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống[3]				
3.1.7	Đáp ứng điều kiện về cấp doanh nghiệp[4]				
3.1.8	Nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực[5]				
4	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động				

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
	với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu(3)				
	Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì mục 3 được quy định như sau:				
3	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật đấu thầu				
3.1	Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:				
3.1.1	Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật(3)				
3.1.2	Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự(3)				

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
3.1.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu[3]				
3.1.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu[3]				
3.1.5	Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống[3]				
3.1.6	Nhà thầu có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực[5]				
	Đối với nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân thì mục 3 và mục 4 được quy định như sau:				
3	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật đấu thầu				
3.1	Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ[3]				
3.2	Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự[3]				

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia	
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt
3.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu[3]				
3.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu[3]				
3.5	Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định[6]				
4	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, các thành viên trong nhóm cá nhân không bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho cá nhân (hoặc nhóm cá nhân trong đó có nhân sự vi phạm) trúng thầu[3]				
KẾT LUẬN					

Người đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản scan bảo đảm dự thầu đính kèm E-HSDT (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy), trừ trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng.

(2) Tổ chuyên gia đánh giá theo bản thỏa thuận liên danh (webform trên Hệ thống)

(3) Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại phiếu chấm của tổ chuyên gia. Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", Tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt".

(4) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu ≤ 5 tỷ đồng. Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu. Trường hợp gói thầu đã tổ chức lựa chọn nhà thầu, nếu không có doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ đáp ứng yêu cầu thì khi tổ chức đấu thầu lại, nhà thầu không phải đáp ứng yêu cầu này.

(5) Chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng và người có thẩm quyền quyết định chỉ cho phép nhà thầu sau được tham dự thầu: có từ 50% lao động trở lên là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu vẫn còn hiệu lực. Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở tài liệu chứng minh của nhà thầu. Trường hợp người có thẩm quyền quyết định áp dụng mà không có nhà thầu tham dự hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu thì tổ chức đấu thầu lại, nhà thầu không phải đáp ứng yêu cầu này.

(6) Tổ chuyên gia đánh giá theo chứng chỉ chuyên môn đính kèm của cá nhân

(Xem tiếp Công báo số 653 + 654)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng